

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường
Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ngành đào tạo: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tên tiếng Anh: ELECTRONIC COMMERCE

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 52340122

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2018

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình:	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Mã ngành:	52340122
Hình thức đào tạo:	CHÍNH QUI
Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian học: 4 năm

2. Điều kiện tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học

3. Thang điểm, Quy trình học, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình học: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT

4. Mục tiêu học và chủ yếu ra

Mục đích (Goals)

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cao về thương mại điện tử ở trình độ đại học, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại điện tử; có khả năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo; có sức khỏe, kỹ năng giao tiếp tốt và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của các tổ chức tiếp nhận.

Mục tiêu học (Objectives)

1. Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, khoa học kinh tế và quản trị.

2. Phát triển năng lực khám phá tri thức, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thương mại, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh thương mại, tư duy hệ thống, cộng đồng nhân, hình thành phẩm chất công nhân và nghề nghiệp.
3. Trở thành công dân toàn cầu, công kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả
4. Phát triển kỹ năng hình thành tư tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống, doanh nghiệp kinh doanh trong doanh nghiệp và bên ngoài xã hội.

Chương 2 (Program outcomes)

Kết quả	Chương 2	Trình độ năng lực
1.	KIẾN THỨC NỀN TẢNG TRONG NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
1.1.	Phân tích và ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề kinh tế.	4
1.2.	Phân tích và vận dụng kiến thức tổng quan về thương mại và công nghệ thông tin để khai thác các nguồn lực trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.	4
1.3.	Phân tích, định giá và áp dụng kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử marketing điện tử, quản trị bán hàng, quản trị logistics, quản trị ngoại thương, thanh toán điện tử, thiết kế web, bảo mật thương mại điện tử	5
2.	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ THÁI ĐỘ NGHỀ NGHIỆP	
2.1.	Kỹ năng phân tích, định giá và giải quyết các vấn đề về kinh doanh thương mại.	5
2.2.	Điều tra nghiên cứu, phân tích, thực nghiệm và khai thác thông tin từ các nguồn khác nhau để đưa ra các giải pháp trong kinh doanh thương mại.	4
2.3.	Khả năng tư duy có hệ thống và toàn diện	5
2.4.	Phát triển kỹ năng công nhân, rèn luyện thói quen và thái độ làm việc chuyên nghiệp, góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, phát triển năng lực hội nhập quốc tế, năng lực học tập suốt đời.	4
2.5.	Hình thành thói quen tự chủ đạo đức nghề nghiệp.	3
3.	KỸ NĂNG TƯƠNG TÁC	

3.1.	Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả	5
3.2.	Khả năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh dự án nhiều hình thức.	4
3.3.	Khả năng giao tiếp bằng Tiếng Anh, khả năng làm việc với các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.	4
4.	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG HÌNH THÀNH □ TƯ DUY, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI, VẬN HÀNH HỆ THỐNG, DỰ ÁN KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VÀ BÊN NGOÀI XÃ HỘI	
4.1.	Nhận thức được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội đối với hoạt động kinh doanh và thể hiện trách nhiệm của người công nhân thương mại điện tử đối với xã hội.	3
4.2.	Nhận diện và thích nghi với sự khác biệt của môi trường làm việc khác nhau.	3
4.3.	Hình thành, phân tích và định giá tương đương phễu triển hoạt động kinh doanh thương mại.	5
4.4.	Thiết kế được các hệ thống kinh doanh thương mại phức tạp.	5
4.5.	Triển khai và quản lý thực hiện các dự án, phân mảnh kinh doanh thương mại điện tử phức tạp.	5
4.6.	Vận hành và quản lý vận hành hệ thống kinh doanh phức tạp.	5
4.7.	Hình thành □ tương khởi nghiệp	5

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả
0.0 □ TĐNL □ 1.0	Cơ bản	Nhận biết: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê nhận diện, xác định,...
1.0 < TĐNL □ 2.0	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
2.0 < TĐNL □ 3.0		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm marketing, bài báo, v.v.,...
3.0 < TĐNL □ 4.0	Thành	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các

	thạo	chi tiết/ b ^o phận và ch ^o ra đ ^u c mỗi quan hệ của ch ^o ng t ^o ng th ^o b ^o ng c ^o c hành đ ^o ng như ph ^o n tích, ph ^o n loại, so s ^o nh, t ^o ng h ^o p,...
4.0 < TĐNL ≤ 5.0		Đ ^o nh gi ^o SV đ ^u ra ra đ ^u c nhận đ ^o nh, đ ^o b ^o v ^o kiến th ^o c/ th ^o ng tin theo c ^o c ti ^o u chu ^o n, ti ^o u chí và ch ^o s ^o đo lường đ ^o đ ^u c x ^o c đ ^o nh b ^o ng c ^o c hành đ ^o ng như nhận x ^o t, ph ^o n biệ ^o n, đ ^o xu ^o t,...
5.0 < TĐNL ≤ 6.0	Xu ^o t s ^o c	S ^o ng tạo: SV kiến tạo/ s ^o p xếp/ t ^o ch ^o c/ thiết kế/ kh ^o i qu ^o t h ^o a c ^o c chi tiết/ b ^o phận theo c ^o ch kh ^o c/ m ^o i đ ^o tạo ra c ^o u tr ^o c/ m ^o h ^o nh/ s ^o n ph ^o m m ^o i.

5. Kh^oi l^oo^ong ki^on th^oc t^on kho^o: 125 tín ch^o

(kh^ong bao gồm khối kiến th^oc Gi^oo d^oc th^och^ot và Gi^oo d^oc Quốc ph^ong)

6. Ph^on b^okh^oi l^oo^ong c^oc kh^oi ki^on th^oc

TT	T ^o N H ^o C PH ^o N	S ^o tín ch ^o
KI^oN TH^oC GIÁO D^uC ĐẠI CƯƠNG		36
A. Kh^oi ki^on th^oc b^ot bu^oc		24
I. L^olu^on chính tr^o+ Ph^op lu^ot		12
1	C ^o c NL c ^o b ^o n của CN M ^o c-L ^o nin	5
2	Đ ^u ơng lối CM của ĐCSVN	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Ph ^o p luật đại c ^o ng	2
II. To^on h^oc v^oKHTN		9
4	To ^o n kinh tế 1	3
5	To ^o n kinh tế 2	3
6	X ^o c su ^o t thống k ^o o ^o ng đ ^o ng	3
III. Nh^op m^on ng^onh		3 (2+1)
B. Kh^oi ki^on th^oc t^och^on		12
IV. Tin h^oc		
V. Khoa h^oc x^oh^oi nh^on v^on (theo danh m^oc)		2
VI. Khoa h^oc k^othu^ot		
VII. C^os^o ng^onh v^ochuy^on ng^onh		10
C. Kh^oi ki^on th^oc GDTC + GDQP		
VIII. Gi^oo d^oc th^och^ot		
1	Gi ^o o d ^o c th ^o ch ^o t 1	1
2	Gi ^o o d ^o c th ^o ch ^o t 2	1
3	Tư chọn <i>Giáo d^uc thể chất 3</i>	3
IX. Gi^oo d^oc qu^oc ph^ong		165 tiết

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP	89
Cấp sở nhóm ngành và ngành	77
Cấp sở ngành	
Chuyên ngành	
Thí nghiệm, thực tập, thực hành	2
Trong đó, thực tập tốt nghiệp	4
Khóa luận tốt nghiệp	6

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trực, MH tiên quyết
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN Mác - Lênin	5	
2.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
3.	LLCT230214	Đường lối chính sách mạng của ĐCSVN	3	
4.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
5.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
6.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	MATH130801
7.	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
8.	INMA130106	Nhập môn ngành TMĐT	3(2+1)	
9.		Tìm chọn đại cương	2	
10.		Tìm chọn cấp sở ngành	4	
11.		Tìm chọn chuyên ngành	6	
12.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
13.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
14.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	
15.	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	
Tổng			36	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trực, MH tiên quyết
1.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
4.	BLAW220308	Luật kinh tế	3	GELA220405
5.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu	2(1+1)	
6.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH130801 MATH130901
7.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
8.	DNET332208	Mạng giao tiếp dữ liệu	3	
9.	DANA230606	Phân tích dữ liệu	3(2+1)	RMET230306

10.	MIOF130207	Tin học văn phòng	3 (2+1)	
11.	DMSY230184	Cơ sở dữ liệu	3	
Tổng			33	

7.2.2.a Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiếp theo
1.	ANDE330184	Phân tích và thiết kế hệ thống	3	
2.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
3.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	
4.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
5.	SCMA430706	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
6.	LOMA332509	Quản trị logistics	3	
7.	WEDE330484	Thiết kế WEB	3	
8.	ERPS431208	Phạm môm ứng dụng (ERP)	3 (2+1)	
9.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	
10.	ECOS431508	Bảo mật thương mại điện tử	3	
11.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	WEDE330484
12.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	FUMA230806
13.	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	
14.	SQMA322208	Quản trị chất lượng dịch vụ	2	
15.	MAMA31706	Quản trị marketing	3	
Tổng			44	

7.2.2.b Kiến thức chuyên ngành (các môn học thực hành xướng, thực tập công nghiệp)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiếp theo
1.	PRAC321908	Chuyên đề thực hành	2	
2.	INTE441608	Thực tập tốt nghiệp (TĐT)	4	
Tổng			6	

7.2.3. Thực nghiệm (Sinh viên chọn một trong hai hình thức sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiếp theo
1.		Cơ mơn tốt nghiệp	6	Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực <input type="checkbox"/> Qualified exam <input type="checkbox"/>
2.	ECGR401708	Khóa luận tốt nghiệp (TĐT)	6	
Tổng			6	

Điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp: **Đạt kỳ thi kiểm tra năng lực Qualified exam**

B Phân tích:

Kiến thức gốc để (Sinh viên chọn 01 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trỏc, MH tiến quyế
1.	BPLA420606	Kế hoạch kinh doanh	2	
2.	PRSK320705	Kỹ năng thuyết trình	2	
3.	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	2	
4.	BCOM320106	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
5.	ORBE320106	Hành vi tởch cở	2	

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Nhóm A (Sinh viên chọn 02 trong các môn học sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trỏc, MH tiến quyế
1.	SEMA320907	Thị trường chớng khoỏn	2	
2.	CUSM321006	Quỏn trị quan hệ khỏch hàng	2	
3.	INPA421008	Thanh toán quốc tế	2	
4.	PSBU220408	Tổm lỏ học kinh doanh	2	
5.	INBU220508	Kinh doanh quốc tế	2	
6.	PROC320109	Mua hàng	2	

Kiến thức chuyên ngành - Nhóm B (Sinh viên chọn 02 trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trỏc, MH tiến quyế
1.	DEMA431609	Quỏn trị kho bở	3	
2.	LOPA431409	Kỹ thuật xếp dỏ và đớng gỏ	3	
3.	MAIS430306	Hệ thống thớng tin quỏn lỏ (MIS)	3	
4.	ORPR330284	Lập trớnh hớng đỏi tướng	3	
5.	DSEC430284	Bỏ mật cở sở dỏ liệu	3	
6.	TAPO330407	Chớnh sỏch thuế	3	

C. Kiến thức liên ngành:

Sinh viên cở thỏ chọn 6 tín chỉ liên ngành đỏ thay thế cho cởc môn học chuyên ngành trong phỏn tỏ chọn:

- Xem danh sỏch cởc môn học đợc đỏ xuấ trong phỏn Phỏ lỏc, hỏc
- Sinh viên cở thỏ tỏ chọn cởc môn học nỏm ngoài danh sỏch đợc đỏ xuấ trớn tinh thớn cởc môn học hỏ trỏ hớng phỏ triớn nghỏ nghiệp sau này. SV nỏn nhỏ tư vớ thớ m tỏ Ban tư vớ đỏ cỏ sỏ lỏ chọn phỏ hỏp.

D. Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhỏm tạo điỏu kiện tớng cớng khỏnớng tiếp cận vớ cởc chớng trớnh đào tạo tiến tiến, SV cở thỏ tỏ chọn cởc khỏ học online đỏ xuấ trong bớng sau đỏ xấ tướng đợng vớ cởc môn học cở trong chớng trớnh đào tạo:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học cởc xấ tớng cởng MOOC (đường link đớng kỏ)
1.	MIOF130207	Tin học vớ phớng	3 (2+1)	Excel skills for business: Essentials https://www.coursera.org/specializations/excel

2.	MAMA31706	Quản trị marketing	3	Marketing https://www.icieducation.com/courses/business/marketing/
3.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	https://www.coursera.org/specializations/digital-marketing
4.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực		https://alison.com/tag/human-resources
Tổng			6	

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ đầu sinh viên tiến hành kế hoạch học tập:

STT	Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn MH trước, MH tiếp theo
1.	LLCT150105	Những NLCB của CN M ^o c L ^o nin	5	
2.	LLCT230214	Đường lối chính sách mạng của ĐCSVN	3	
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
5.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	
6.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	
7.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	

Ghi chú: đưa các môn vào lịch cứng HK1 theo hướng dẫn

Học kỳ 1:

TT	Môn MH	Tên MH	Số TC	Môn MH trước, Môn MH tiếp theo
1.	ECOM130108	Nhập môn ngành TMĐT	3 (2+1)	
2.	ECON240206	Kinh tế học	4	
3.	GELA220405	Pháp luật đại cương	2	
4.	LLCT150105	Những NLCB của CN M ^o c L ^o nin	5	
5.	MATH130801	Toán kinh tế 1	3	
6.	MIOF130207	Tin học văn phòng	3 (2+1)	
7.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	0	
Tổng			19	

Học kỳ 2:

TT	Môn MH	Tên MH	Số TC	Môn MH trước, Môn MH tiếp theo
1.	BLAW230308	Luật kinh tế	3	GELA220405
2.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
3.	MATH130901	Toán kinh tế 2	3	MATH130801
4.	RMET230306	Phương pháp nghiên cứu	2	
5.		Tập chọn đại cương	2	
Tổng			14	

Học kỳ 3:

TT	Môn MH	Tên MH	Số TC	Môn MH trước, Môn MH tiếp theo
----	--------	--------	-------	--------------------------------

				MH tiên quyết
1.	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3	
2.	ECOM431308	Thương mại điện tử	3	
3.	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	MATH130801
4.	DMSY230184	Cơ sở dữ liệu	3	
5.	DANA230606	Phân tích dữ liệu	3	RMET230306
6.		Tổng chọn cơ sở ngành	2	
Tổng			17	

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	DNET332208	Mạng giao tiếp dữ liệu	3	
2.	HRMA331206	Quản trị nguồn nhân lực	3	FUMA230806
3.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
4.	PRAC321908	Chuyên đề thực hành	2	Môn học liên kết DN
5.	WEDE330484	Thiết kế WEB	3 (2+1)	Môn học project-based
6.		Tổng chọn chuyên ngành	3	
Tổng			17	

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MAMA331706	Quản trị marketing	3	
2.	SAMA332008	Quản trị bán hàng	3	
3.	LOMA332509	Quản trị logistics	3	Môn học liên kết DN
4.	EMAR431108	Marketing điện tử	3	WEDE330484
5.	SQMA322208	Quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ	3	
6.		Tổng chọn cơ sở ngành	2	
Tổng			17	

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	STMA430406	Quản trị chiến lược	3	FUMA230806
2.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	
3.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	Môn học project-based
4.	SCMA430706	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
5.		Tổng chọn chuyên ngành	3	
Tổng			15	

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Mã MH trước, MH tiên quyết

1.	INTE441608	Thực tập tốt nghiệp	4	Sinh viên năm 4
2.	ECOS431508	Bộ mật thư công mại điện tử	3	
3.	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	
Tổng			10	

Học kỳ 8:

TT	Môn MH	Tên MH	Số TC	Môn MH trước, Môn tiếp theo
1.	ECGR461708	Khóa luận tốt nghiệp TĐT/Thi tốt nghiệp	6	Sinh viên năm 4
2.	ERPS431208	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)	3 (2+1)	
3.	ANDE330184	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	
Tổng			12	

9. Mô tả nội dung và khối lượng công việc học phần

9.1 Pháp luật quốc gia

Số TC: 02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:

- Tóm tắt nội dung học phần: Pháp luật là hệ thống quy tắc xã hội mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nhiệm vụ của công dân là sống và làm việc theo pháp luật. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

9.2 Toán kinh tế 1

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm nhiều biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

9.3 Toán kinh tế 2

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm nhiều biến (tích bất định, tích phân xác định, tích

phần suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9.4 Xác suất thống kê ứng dụng

SĐTC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

9.5 Nhập môn ngành Thống kê và Tin tức

SĐTC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Thống kê và Tin tức như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

9.7 Phương pháp nghiên cứu

SĐTC:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2, 0, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học để xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

9.8 Phân tích dữ liệu

SĐTC:02

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu có thể khi đề cập đến nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

9.9 Thiết kế hệ

SĐTC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sâu khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau công thức lập mô hình ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9.10 Công nghệ lập trình

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2, 1, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm cơ bản về dữ liệu. Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêng khóa, khóa chính, khóa duy nhất, khóa ngoại, ngôn ngữ đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL, các dạng chu trình và tính chất tương ứng.

9.11 Nguyên lý kế toán

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)
- Điều kiện tiên quyết: Kinh tế học đại cương
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết cơ bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng công như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, ...).

9.12 Luật Kinh tế

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết: pháp luật đại cương

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học Luật kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về triết lý, bản chất, vai trò và chức năng của pháp luật kinh tế đối với môi trường kinh doanh. Môn học này cũng giúp cho người học nhận diện được mối quan hệ mật thiết giữa luật và kinh tế học. Theo đó, luật pháp được coi là một yếu tố tạo nên chi phí kinh doanh. Vì chủ đích tạo môi trường học tập về những vấn đề đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, môn học Luật kinh tế với một tập hợp các tình huống thực tiễn cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các triết lý của pháp luật nói chung và luật kinh tế nói riêng. Các học thuyết này bao gồm học thuyết về quyền sở hữu; học thuyết về quyền tự do kinh doanh; lý thuyết về cạnh tranh; thuyết chi phí giao dịch; học thuyết pháp nhân và tính chịu trách nhiệm hữu hạn; lý thuyết về quy định- thực tiễn; học thuyết về trách nhiệm xã hội; học thuyết về điều chỉnh thông tin bất cân xứng và quản lý rủi ro; học thuyết về công bằng...

9.13 Quản trị các cơ bản

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Việc quản lý hiệu quả công việc của nhân viên trong các tổ chức là vấn đề chính yếu của xã hội công nghiệp hóa và chính những người quản lý là những người phải đưa ra quyết định về việc sử dụng nguồn nhân lực, vật liệu, công nghệ, và vốn. Môn học này sẽ khắc họa hình ảnh thực tế về những công việc mà người quản lý

cần làm. Học nhà, môn học cũng sẽ giúp chúng ta nhìn kỹ những mà các nhà quản lý phải tập trung để đạt được những mục tiêu và tiêu chuẩn quan trọng để đưa ra bằng cách cung cấp những kiến thức cần thiết về một loạt các chủ đề bao gồm hoạch định, tổ chức, biên chế, lãnh đạo, thay đổi và ra quyết định trong tổ chức.

9.14 Quản trị ngoại ngữ

S/TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Môn Quản trị ngoại ngữ cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại ngữ, giúp người học có được những kỹ thuật cần thiết trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nhìn chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại ngữ hiệu quả

9.15 Kinh tế học

S/TC:04

- Phân bố thời gian học tập: 4 (4,0, 8)
- Điều kiện tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cần thiết để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dựa trên góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Về những kiến thức được cung cấp từ môn học này, người học sẽ có cái nhìn tổng quát và hệ thống về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường cũng như quản lý của nhà nước. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống có thể

9.16 Marketing điện tử

S/TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Marketing điện tử là môn học cung cấp những kiến thức cần thiết về marketing điện tử, marketing điện tử là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing điện tử trong môi trường như thế nào. Quá trình marketing điện tử bắt đầu bằng việc phân tích hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing điện tử được chọn, doanh nghiệp phải có một chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.17 Quản trị nguồn nhân lực

S/TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học cần thiết

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các

tính hướng, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống.

9.18 Quản trị nhân lực

S⁰TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản, Quản trị Marketing, Quản trị tài chính
- Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề và lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp để mở rộng chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

9.19 Quản trị chuỗi cung ứng

S⁰TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một ngành chuyên môn & có vai trò quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

9.20 Quản trị marketing

S⁰TC:04

- Phân bố thời gian học tập: 4(4,0,8)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức căn bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong môi trường vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phân tích hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải có thể hoạch định chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.21 Quản trị tài chính

S⁰TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 4(3,1,8)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật căn bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc

ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cắt giảm. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: số bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích dòng tiền, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính.

9.22 Hình vi tích

S/TC:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tích cực, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong môi trường, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

9.23 Giao tiếp trong kinh doanh

S/TC:02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh hiệu quả và hiệu quả của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thu nhập. Sinh viên sẽ được nghiên cứu và lý thuyết các học thuyết liên quan hành động trong mọi tình huống - trình bày làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhóm giúp khám phá tiềm năng khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Thông qua định hướng rõ ràng và nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

9.24 Quản trị công nghệ

S/TC:03

- Phân bố thời gian học tập: 3(3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học cơ bản
- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học quản trị công nghệ cung cấp các kiến thức cơ sở để giúp sinh viên ứng dụng được khoa học quản trị vào lĩnh vực khai thác, sản xuất công nghệ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Quản trị công nghệ có vai trò thúc đẩy đầu tư phát triển công nghệ của doanh nghiệp, tạo ra sức cạnh tranh mạnh mẽ nhất trong nền kinh tế thị trường hiện nay và tạo nên tăng trưởng cho sản phẩm kinh tế của doanh nghiệp.

Học phần Quản trị công nghệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ và kiến thức kỹ năng quản trị công nghệ trong doanh nghiệp công nghiệp.

Học phần quản trị công nghệ giúp cho học viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích định giá được năng lực công nghệ, qua đó mà lựa chọn, chuyển giao được công nghệ thích hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Học phần quản trị công nghệ còn trang bị kiến thức, phương pháp luận về công tác quản lý công nghệ phục vụ cho chiến lược đầu tư phát triển công nghệ trong doanh nghiệp.

9.25 Thương mại công nghệ

S/TC:02

- Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)
- Điều kiện tiên quyết:

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về công nghệ kho vận và thị trường công nghệ kho vận trong những kinh huy động vốn quan trọng nhất trong bối cảnh kinh tế nào của thế giới. Sinh viên được trình bày những lý thuyết cơ bản của công nghệ kho vận và thị trường công nghệ kho vận bao gồm những khái niệm về công nghệ kho vận, thị trường, công nghệ kho vận đầu tư, công nghệ kho vận phân phối. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường công nghệ kho vận như Ủy ban công nghệ kho vận nhà nước, Trung tâm lưu kho công nghệ kho vận và các công ty công nghệ kho vận.

9.26 Quản trị quan hệ khách hàng

S/TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược, chính sách khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và cách thức ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống.

9.27 Tâm lý học kinh doanh

S/TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên củng cố kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người - đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của con người bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý về những đặc điểm, quy luật và các chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,...

9.28 Hệ thống thông tin quản lý (MIS)

S/TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học cơ bản, Tin học cơ bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các loại hệ thống thông tin, tổ chức và thiết lập hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới.

9.29 Quản trị chiến lược

S/TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học cơ bản, Quản trị Marketing
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược xem xét tính hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề xây dựng chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp để mở rộng chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

9.30 Quản trị doanh nghiệp

S□TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Quản trị học cơ bản
- *Tóm tắt nội dung học phần:* môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý doanh nghiệp như phân tích và lựa chọn doanh nghiệp, hoạch định và lập tiến độ doanh nghiệp, giám sát và kiểm soát doanh nghiệp, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý doanh nghiệp.

9.31 Kế hoạch kinh doanh

S□TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp. Trọng tâm là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tham gia và thiết lập bản kế hoạch kinh doanh tóm tắt và hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lập kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết và định giá khả năng sinh lời, khả năng hoàn vốn, và các đặc điểm hoạt động kinh doanh cần thiết khác nhằm đảm bảo đầu tư hiệu quả hay có thể giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra. Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp SV nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết và thực tiễn.

9.32 Kinh doanh quốc tế

S□TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

9.33 Phần mềm ứng dụng ERP

S□TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 3
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP và ứng dụng ERP trong thực tiễn như tài vụ theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cấp vốn và thuế) và quản trị nhân sự.

9.34 Thống kê tài chính

S□TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết: Quản trị học
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai doanh nghiệp thương mại điện tử, từ đó có thể lập kế hoạch đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số.

9.35Thức tập thực nghiệm

Số TC:04

- Phân bố thời gian học tập: 4 (0, 4, 8)
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên năm thứ 4
- Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên đăng ký đồ tài và tham gia thực tập tại các công ty dự án sự hướng dẫn của GVHD do Khoa quản lý công nghệ. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về các cấu trúc hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được các cấu trúc của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.36Khả luận thực nghiệm

Số TC:06

- Phân bố thời gian học tập: 6 (6, 0, 12)
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên năm thứ 4
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình.

10. Các số viết tắt các văn bản tập

10.1. Các công trình, công trình thí nghiệm và các công trình thí nghiệm quan trọng

Sinh viên ngành QLCN chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học của mình như các phòng sau đây: A3-101, A3-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B.

10.2. Thư viện, trang Web

Thư viện Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp.HCM: <http://lib.hcmute.edu.vn/>

Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn

Thư viện Đại học Bách Khoa Tp.HCM: www.lib.hcmut.edu.vn

Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn

Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn

Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn

Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn

Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được triển khai theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

PHỤ LỤC CÁC MÔN HỌC LIÊN NGÀNH

STT	Môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn MH trước, MH tiếp theo
1.	PROM430506	Quản trị doanh nghiệp	3	
2.	TMAN431509	Quản trị vận tải	3	
3.	LOPA431409	Kỹ thuật xếp dỡ và đóng gói	3	
4.	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	
Tổng			6	